

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
DỊCH VỤ CẤP NƯỚC
Số...../.....

GIỮA
CÔNG TY TNHH BÁT ĐỘNG SẢN TÂY HỒ VIEW
với tư cách là Bên Cung Cấp Dịch Vụ Cấp Nước
và

HỘ GIA ĐÌNH: ÔNG (BÀ).....

Hoặc CÔNG TY:.....

với tư cách là Bên Sử Dụng Nước

MÃ SỐ KHÁCH HÀNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ CẤP NƯỚC

Căn cứ vào:

- Các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan;
- Thỏa thuận giữa các bên về khả năng cung cấp và nhu cầu sử dụng nước.

Hôm nay, ngàytháng.....năm.....tại Công ty TNHH Bất động sản Tây Hồ View:, chúng tôi gồm:

I. BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ CẤP NƯỚC: CÔNG TY TNHH BẤT ĐỘNG SẢN TÂY HỒ VIEW

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 0107056206 do Sở Kế Hoạch Đầu Tư Thành Phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 10 năm 2015, sửa đổi bổ sung lần thứ bốn ngày 22 tháng 05 năm 2019.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 125 Hoàng Văn Thái, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân , Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 3.555.3399

Fax: [*]

Tài khoản số: 6299066-001 tại Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Mỹ Đình

Đại diện bởi: Ông Phạm Đình Hòa Chức vụ: Tổng Giám đốc

Theo Văn bản ủy quyền số GUQ/THV/2016/001 của Chủ Tịch Hội đồng Thành Viên ngày 2/01/2016 ủy quyền cho Ông Phạm Đình Hòa

(Sau đây gọi là "**Bên A**")

Và

II. BÊN SỬ DỤNG NƯỚC:

Chủ Hộ/ Công ty	:
Hoặc người được ủy quyền	:
CMND/Hộ chiếu số	:do cấp ngày/..../.....
Nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú	:
Địa chỉ liên hệ	:
Số điện thoại	: Fax:
Email	:
Tax code	:
Số tài khoản Ngân hàng	:tại
Đại diện bởi	:

Theo giấy ủy quyền sốngày.... tháng....năm ..., phát hành bởi....
(Sau đây gọi là “**Bên B**”)
(*Bên A và Bên B được gọi riêng là “Bên” và được gọi chung là “Các Bên”*).

Các Bên cùng nhau thống nhất lập và ký kết Hợp đồng dịch vụ cung cấp nước này (“**Hợp Đồng**”) để phục vụ mục đích sinh hoạt với những nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng của Hợp Đồng

Bên A thực hiện dịch vụ cấp nước sinh hoạt cho Bên B theo các điều kiện chất lượng dịch vụ như quy định tại Hợp Đồng này và theo quy định của pháp luật và Bên B sử dụng nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật và theo quy định tại Hợp Đồng này.

Điều 2. Điều kiện chất lượng dịch vụ

Điều kiện chất lượng và dịch vụ cụ thể như sau:

2.1 Địa điểm tiêu thụ nước: tại Căn hộ số,, Tầng..... Tòa,, Dự án “Tổ hợp chung cư, văn phòng, kết hợp dịch vụ thương mại Newtatco” tại Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

2.2 Điểm đầu nối vào hệ thống cấp nước của Bên A:

2.3 Mục đích sử dụng nước:

sinh hoạt , dịch vụ , xây dựng hành chính sự nghiệp khác

2.4 Chất lượng nước: phù hợp với các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt với các điều kiện:

(a) Áp lực nước tại điểm đầu nối:

(b) Lưu lượng nước tại điểm đầu nối:.....

2.5 Thời điểm cấp nước:(theo biên bản xác nhận cung cấp nước lần đầu tiên)

2.6 Bên B được áp dụng giá sinh hoạt khi hoàn tất hồ sơ nộp Bên A theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thiết bị đo đếm nước

3.1 Việc đo đếm nước được thực hiện bằng Đồng Hồ Đo Đếm Nước được Bên A lắp đặt tại trực kỹ thuật nước của Tầng Căn hộ nằm trong vị trí quản lý của Bên A.

3.2 Lắp đặt Đồng Hồ Đo Đếm Nước: Bên A có trách nhiệm đầu tư, lắp đặt Đồng Hồ Đo Đếm Nước, đảm bảo Đồng Hồ Đo Đếm Nước đã được kiểm định phù hợp với Tiêu chuẩn Việt Nam.

3.3 Trường hợp Đồng Hồ Đo Đếm Nước bị mất hoặc hư hỏng gây mất nước mà (i) nguyên nhân do lỗi của Bên A thì Bên A có trách nhiệm sửa chữa, thay thế Đồng Hồ Đo Đếm Nước và tiếp tục cấp nước cho Bên B; (ii) nguyên nhân do lỗi của Bên B thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả cho Bên A toàn bộ các chi phí thực tế liên quan đến việc sửa chữa, thay thế và kiểm định Đồng Hồ Đo Đếm Nước.

- 3.4 Bên B không được tự ý tháo gỡ, di chuyển Đồng Hồ Đo Đếm Nước sang vị trí khác so với vị trí lắp đặt ban đầu của Bên A trừ khi được Bên A đồng ý trước bằng văn bản và Bên B phải chịu toàn bộ các chi phí liên quan đến việc di chuyển Đồng Hồ Đo Đếm Nước.
- 3.5 Bên A ghi chỉ số vào ngày ấn định hàng tháng, có thể dịch chuyển thời điểm ghi chỉ số trước hoặc sau một ngày, trừ trường hợp bất khả kháng. Ngày ghi chỉ số được thể hiện là ngày cuối của chu kỳ ghi chỉ số trên hóa đơn tiền nước.

Điều 4. Giá Cung Cấp Nước, Tiền Nước và Phí Dịch Vụ

- 4.1 Giá Cung Cấp Nước: là giá bán lẻ nước cho mục đích sinh hoạt theo quy định của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tại từng thời điểm và được Bên A thông báo bằng văn bản cho Bên B.
- 4.2 Hàng tháng, Bên B thanh toán cho Bên A tiền sử dụng nước của tháng trước ("**Tiền Nước**") theo Giá Cung Cấp Nước được quy định tại Điều 4.1 ở trên và Khối lượng nước tiêu thụ được xác định dựa trên chỉ số của Đồng Hồ Đo Đếm Nước. Trường hợp Bên B sử dụng nước trong thời gian Đồng Hồ Đo Đếm Nước bị mất hoặc ngừng hoạt động thì Tiền Nước phải thanh toán được tính theo lượng nước tiêu thụ bình quân ngày của ba (03) tháng liền kề trước đó nhân với số ngày thực tế sử dụng nước không qua Đồng Hồ Đo Đếm Nước. Số ngày thực tế sử dụng nước được tính từ Ngày Ghi Chỉ Số gần nhất đến ngày Đồng Hồ Đo Đếm Nước được phục hồi hoạt động.

- 4.3 Trong trường hợp Giá Cung Cấp Nước theo quy định tại Điều 4.1 có sự thay đổi mà tại thời điểm có hiệu lực của Giá Cung Cấp Nước mới đó, các Bên không chốt được chỉ số của Đồng Hồ Đo Nước thì:
- Tiền Nước mà Bên B phải trả cho Bên A trong khoảng thời gian từ ngày chốt chỉ số Đồng Hồ Đo Đếm Nước liền trước đến ngày có hiệu lực của Giá Cung Cấp Nước mới sẽ được tính theo Giá Cung Cấp Nước trước khi có sự thay đổi giá nước và khối lượng nước tiêu thụ trong khoảng thời gian này (được tính theo khối lượng nước tiêu thụ trung bình của một ngày trong khoảng thời gian từ ngày chốt chỉ số Đồng Hồ Đo Đếm Nước liền trước đến ngày chốt chỉ số Đồng Hồ Đo Đếm Nước liền sau ngày hiệu lực của Giá Cung Cấp Nước).
 - Tiền Nước mà Bên B phải trả cho Bên A trong khoảng thời gian từ ngày có hiệu lực của Giá Cung Cấp Nước mới đến ngày chốt chỉ số Đồng Hồ Đo Đếm Nước liền sau sẽ được tính theo Giá Cung Cấp Nước mới và khối lượng nước tiêu thụ trong khoảng thời gian này (được tính theo khối lượng nước tiêu thụ trung bình của một ngày trong khoảng thời gian từ ngày chốt chỉ số Đồng Hồ Đo Đếm Nước liền trước đến ngày chốt chỉ số Đồng Hồ Đo Đếm Nước liền sau ngày hiệu lực của Giá Cung Cấp Nước mới)
- 4.4 Các khoản phí dịch vụ: Các Bên thống nhất rằng, trong suốt thời hạn của Hợp Đồng nếu pháp luật cho phép, Bên A sẽ thu các khoản phí liên quan đến việc cung cấp nước theo Hợp Đồng này trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật, quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại thời điểm áp dụng và Bên A sẽ thông báo cho Bên B 15 ngày trước khi áp dụng.

Điều 5. Phương thức và thời hạn thanh toán

- 5.1 Thông báo và thời hạn thanh toán Tiền Nước: hàng tháng, Bên A sẽ gửi thông báo và Hóa đơn Tiền Nước và các khoản phí dịch vụ phát sinh (nếu có) cho Bên B. Tiền Nước và phí dịch vụ phát sinh (nếu có) của mỗi tháng sẽ phải được Bên B thanh toán một lần và toàn bộ cho Bên A trong vòng 03 ngày kể từ ngày nêu tại thông báo Tiền Nước của Bên A theo một trong các phương thức sau:

(a) chuyển khoản vào Tài khoản Ngân hàng của Bên A nêu dưới đây:

- Tên tài khoản Ngân hàng: Công ty TNHH Bất động sản Tây Hồ View
- Số tài khoản của Bên A:
- Tại ngân hàng: Ngân hàng

(b) bằng tiền mặt tại sảnh lễ tân các tháp căn hộ tại Dự án “Tổ hợp chung cư, văn phòng, kết hợp dịch vụ thương mại Newtatco” tại Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

5.2 Trường hợp Bên A ngừng cấp nước do Bên B không thanh toán đầy đủ, đúng hạn Tiền Nước và phí dịch vụ phát sinh (nếu có) theo điều 5.1 Hợp Đồng này, Bên A có quyền tính lãi phạt bằng số tiền chậm thanh toán nhân với mức lãi suất cho vay cao nhất áp dụng đối với khách hàng cá nhân của Ngân hàng mà Bên A có Tài khoản ghi trong Hợp Đồng này tại thời điểm thanh toán và nhân với số ngày chậm thanh toán, tính từ ngày thứ ba mươi (30) kể từ ngày đến hạn cuối cùng của thời hạn thanh toán đến ngày Bên B thực tế thanh toán.

5.3 Trường hợp Bên A thu thừa Tiền Nước và phí dịch vụ phát sinh (nếu có) của Bên B thì Bên A phải hoàn trả cho Bên B khoản tiền thu thừa bao gồm cả tiền lãi của khoản tiền thu thừa nếu thời điểm hoàn trả sau ba mươi (30) ngày so với thời điểm đã thu thừa Tiền Nước và phí dịch vụ phát sinh (nếu có).

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

6.1 Bên A có quyền:

- a) Vào khu vực quản lý của Bên B để sửa chữa, bảo dưỡng, thay thế, kiểm tra các trang thiết bị nước của Bên A; kiểm tra, ghi chỉ số Đồng Hồ Đo Đếm Nước.
- b) Ngừng thực hiện dịch vụ cấp nước trong các trường hợp:
 - (i) Theo yêu cầu bằng văn bản của Bên B. Trong trường hợp này, Bên B sẽ gửi văn bản yêu cầu việc ngừng cấp nước ít nhất bảy (7) ngày làm việc trước khi chấm dứt cho Bên A, Bên A sẽ được thực hiện theo thời hạn được nêu trong văn bản yêu cầu của Bên B;
 - (ii) Bên B vi phạm nghĩa vụ thanh toán hoặc các nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp Đồng này. Trường hợp này, Bên A sẽ ngừng cung cấp nước cho Bên B sau [*]¹ tuần/ ngày làm việc kể từ ngày Bên A có văn bản thông báo về việc ngừng cung cấp nước. Trường hợp, việc Bên B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán Tiền Nước là do lý do khách quan và đã thông báo cho Bên A bằng văn bản những lý do trên, Bên A sẽ ngừng cung cấp nước cho Bên B sau [*]² tuần/ ngày làm việc hoặc thời hạn khác theo quy định kể từ khi Bên A có văn bản thông báo về việc ngừng dịch vụ cấp nước;

¹ Trường hợp Bên B là hộ gia đình – 5 tuần

Trường hợp Bên B là đối tượng khác hộ gia đình –15 ngày làm việc

² Trường hợp Bên B là hộ gia đình –10 tuần

Trường hợp Bên B là đối tượng khác hộ gia đình –15 ngày làm việc

- (iii) Bên B không sử dụng nước quá 6 tháng mà không thông báo trước cho Bên A. Trong trường hợp này, Bên A có quyền chấm dứt Hợp Đồng sau khi đã thông báo cho Bên B trước 10 ngày;
- (iv) Do yêu cầu của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong trường hợp này Bên A sẽ ngừng cung cấp nước ngay khi nhận được yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; hoặc
- (v) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Trường hợp ngừng cấp nước theo quy định tại Điểm (i), (ii), (iii) nêu trên, Bên B phải chịu chi phí thực tế phát sinh cho việc ngừng cung cấp nước và việc cấp nước trở lại theo thỏa thuận giữa Hai Bên.

- c) Tạm ngưng việc cung cấp nước trong các trường hợp sau đây:
 - (i) Để phục vụ công tác sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng định kỳ Hệ thống cấp nước, trong trường hợp này Bên A sẽ thông báo cho Bên B trước ít nhất 3 ngày làm việc bằng văn bản hoặc thông báo trực tiếp.
 - (ii) Do xảy ra sự cố đột xuất đối với Hệ thống cấp nước. Trong trường hợp này, Bên A sẽ thông báo cho Bên B trong vòng 24h bằng thông báo trực tiếp hoặc bằng các phương tiện truyền thông công cộng ngay khi xảy ra sự cố đột xuất.
 - (iii) Do xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng;
 - (iv) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- d) Thu Tiền Nước, phí dịch vụ và các khoản phải trả khác (nếu có) theo quy định của Hợp Đồng phù hợp với quy định của pháp luật.
- e) Các quyền khác theo quy định tại Hợp Đồng này và theo quy định của pháp luật.

6.2 Bên A có nghĩa vụ:

- a) Cung cấp nước cho Bên B đáp ứng các tiêu chuẩn, chất lượng dịch vụ quy định tại Hợp Đồng này.
- b) Tiếp nhận và có biện pháp giải quyết chậm nhất sau 7 ngày làm việc kể từ khi nhận thắc mắc, khiếu nại các sự cố về chất lượng nước, áp lực nước hoặc Đồng Hồ Đo Đếm Nước từ Bên B,;
- c) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp Đồng này, quy định của pháp luật và thỏa thuận của Các Bên tùy từng thời điểm.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

7.1 Bên B có quyền:

- a) Yêu cầu Bên A cung cấp nước theo tiêu chuẩn thỏa thuận trong Hợp Đồng và theo quy định của pháp luật; khôi phục việc cung cấp nước trong thời gian sớm nhất sau khi Hệ thống cấp nước bị sự cố;
- b) Bằng chi phí của mình, thực hiện việc kiểm tra chất lượng nước, tính chính xác của thiết bị đo đếm nước, số Tiền Nước phải thanh toán;
- c) Kiểm tra, giám sát việc ghi chỉ số Đồng Hồ Đo Đếm Nước;
- d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

7.2 Bên B có nghĩa vụ:

- a) Sử dụng nước an toàn, tiết kiệm, hiệu quả và đúng mục đích như quy định trong Hợp Đồng và quy định của pháp luật. Nếu Bên B có nhu cầu sử dụng nước vào mục đích khác thì Bên B phải thông báo cho Bên A trước 15 ngày và chỉ được thay đổi mục đích khi có chấp thuận bằng văn bản của Bên A và Bên B phải thanh toán Tiền Nước theo giá nước tương ứng với mục đích sử dụng mới.
- b) Không được bán lại nước cho bất kỳ bên thứ ba nào nếu không được sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên A; có nghĩa vụ thông báo cho Bên A trước 3 ngày khi có nhu cầu tạm ngừng sử dụng nước, trước 10 ngày khi có nhu cầu chấm dứt Hợp Đồng; bảo quản đồng hồ đo nước, đường ống nước và các thiết bị liên quan đến việc cấp nước mà Bên A cung cấp, lắp đặt trong khu vực của Bên B; chịu trách nhiệm chi trả các khoản chi phí liên quan đến việc đầu tư, lắp đặt, quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng đường ống dẫn nước từ sau điểm đầu nối, điểm lắp đặt Đồng Hồ Đo Đếm Nước; tạo điều kiện thuận lợi cho Bên A ghi chỉ số Đồng Hồ Đo Nước, kiểm tra, thay thế, sửa chữa Đồng Hồ Đo Đếm Nước và Hệ thống cấp nước phía sau điểm đầu nối; không làm sai lệch Đồng Hồ Đo Đếm Nước; kịp thời thông báo cho Bên A khi phát hiện các sự cố về chất lượng nước, áp lực nước hoặc sự bất thường của Đồng Hồ Đo Đếm Nước.
- c) Không tự ý sửa chữa, cải tạo hoặc thay đổi hệ thống ống dẫn từ Đồng Hồ Đo Đếm Nước trở ra thuộc thẩm quyền quản lý của Bên A; không được sử dụng máy bơm hút nước trực tiếp từ Hệ thống cấp nước của Bên A; không được bơm nguồn nước khác ngược vào Hệ thống cấp nước; không đầu nối chung Hệ thống cấp nước của Bên A với các Hệ thống cấp nước khác; không được đầu nối nước cho các hộ khác.
- d) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm Hợp Đồng

8.1 Trách nhiệm bồi thường của Bên A:

- (a) Trường hợp Bên A ghi sai chỉ số Đồng Hồ Đo Đếm Nước, tính toán hóa đơn sai cho Bên B hoặc sử dụng Đồng Hồ Đo Đếm Nước không đạt tiêu chuẩn quy định dẫn đến thu Tiền Nước nhiều hơn số tiền Bên B thực tế phải trả, Bên A phải trả cho Bên B khoản tiền đã thu thừa cộng với tiền lãi tính trên số tiền chênh lệch theo mức lãi suất cho vay cao nhất áp dụng đối với khách hàng cá nhân của Ngân hàng mà Bên A có tài khoản ghi trong Hợp Đồng tại thời điểm thanh toán;
- (b) Trường hợp Bên A vi phạm các trách nhiệm, nghĩa vụ khác của Bên A theo Hợp Đồng gây thiệt hại cho Bên B, Bên A sẽ phải bồi thường cho Bên B theo thiệt hại thực tế mà Bên B phải gánh chịu do hành vi vi phạm của Bên A.

8.2 Trách nhiệm bồi thường của Bên B:

Bên B có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Bên A trong các trường hợp sau:

- a) Gây sự cố cho Hệ thống cấp nước hoặc có hành vi làm hư hỏng Hệ thống cấp nước, Đồng Hồ Đo Đếm Nước. Số tiền bồi thường sẽ bằng giá trị bù đắp lại phần hư hỏng của Hệ thống cấp nước, Đồng Hồ Đo Đếm Nước và các thiệt hại thực tế khác mà Bên A phải gánh chịu do vi phạm của Bên B.

- b) Sử dụng nước sai mục đích đã thỏa thuận trong Hợp Đồng. Số tiền bồi thường sẽ bằng khoản tiền chênh lệch giá trong thời gian vi phạm mục đích sử dụng nước cộng với tiền lãi tính trên số tiền chênh lệch theo mức lãi suất cho vay cao nhất áp dụng đối với khách hàng cá nhân của Ngân hàng mà Bên A có Tài khoản ghi trong Hợp Đồng này tại thời điểm thanh toán cho khoảng thời gian tính từ ngày Bên B sử dụng nước sai mục đích đến ngày Bên B chấm dứt việc vi phạm mục đích sử dụng nước.
- c) Có hành vi trộm cắp nước dưới mọi hình thức. Trong trường hợp này, ngoài việc bị xử lý theo quy định của pháp luật, Bên B phải bồi thường thiệt hại cho Bên A với mức bồi thường bằng giá trị Khối lượng nước bị lấy cắp, thất thoát nhân với mức Giá Cung Cấp Nước/Phí Bơm Nước sinh hoạt cao nhất của Bên A.
- d) Vi phạm trách nhiệm, nghĩa vụ khác của Bên B theo Hợp Đồng, hoặc các quy định của pháp luật về sử dụng nước, Bên B sẽ phải bồi thường cho Bên A toàn bộ thiệt hại thực tế phát sinh do vi phạm của Bên B.

8.3 Phạt vi phạm Hợp Đồng:

- a) Bên A sẽ chịu phạt vi phạm với mức phạt bằng 8 % số tiền bồi thường nếu có một trong các vi phạm nêu tại Điều 8.1 của Hợp Đồng.
- b) Bên B sẽ chịu phạt vi phạm với mức phạt bằng 8% số tiền bồi thường nếu có một trong các vi phạm nêu tại Điều 8.2 của Hợp Đồng.

Điều 9. Bảo mật và không tiết lộ thông tin

Trong suốt và sau Thời hạn của Hợp Đồng, Hai Bên không được công bố hoặc tiết lộ bất kỳ sự việc, thông tin, kiến thức và bất kỳ vấn đề bí mật nào khác liên quan đến Hợp Đồng này hoặc các hoạt động đã được thực hiện hoặc sẽ được thực hiện theo Hợp Đồng này cho bất kỳ bên thứ ba nào ("Thông tin Bí mật") ngoại trừ việc thực thi các nghĩa vụ và trách nhiệm hợp pháp và hợp lý quy định trong Hợp Đồng này hoặc được bất kỳ cơ quan có thẩm quyền nào yêu cầu thực hiện.

Điều 10. Luật áp dụng và giải quyết tranh chấp

Hợp Đồng này được giải thích và áp dụng theo quy định của pháp luật Việt Nam. Trường hợp phát sinh tranh chấp, Các Bên ưu tiên giải quyết bằng thương lượng trong thời hạn ba mươi [30] ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tranh chấp, sau thời hạn này mà Các Bên không giải quyết được thì một trong Các Bên có quyền khởi kiện tại Toà án có thẩm quyền tại Hà Nội để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Sự Kiện Bất Khả Kháng

- 11.1 Sự Kiện Bất Khả Kháng: là những sự kiện mang tính khách quan, nằm ngoài tầm kiểm soát của Các Bên và gây ảnh hưởng trực tiếp đến việc cấp nước của Bên A và nhận nước của Bên B, bao gồm thiên tai, bão, động đất, sét, hỏa hoạn, hạn hán, lũ lụt, ô nhiễm nguồn nước hoặc các hiện tượng tự nhiên khác, chiến tranh, xung đột vũ trang, cấm vận, bạo động, nổi loạn, khủng bố hay phá hoại, dịch bệnh, bãi công, đình công, lãn công, giải phóng mặt bằng hay các hoạt động ngừng trệ công việc không phải do lỗi của một trong Hai Bên gây ra, hoặc do bên thứ ba gây nên sự cố nước mà Bên A không thể lường trước được hoặc không thể kiểm soát được.

11.2 Các Bên sẽ không phải chịu trách nhiệm hoặc không bị coi là vi phạm nghĩa vụ theo Hợp Đồng hoặc có lỗi do không thực hiện hoặc chậm trễ trong việc thực hiện, tuân thủ các nghĩa vụ tương ứng của mình theo Hợp Đồng khi xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng.

Điều 12. Chấm dứt và thanh lý Hợp Đồng

12.1 Hợp Đồng này chấm dứt khi phát sinh một trong các trường hợp sau:

- a) Hết thời hạn mà không được gia hạn theo Điều 13.2 của Hợp Đồng.
- b) Một trong Các Bên quyết định chấm dứt Hợp Đồng trước hạn theo quy định tại Hợp Đồng này;
- c) Bên A không đủ điều kiện thực hiện dịch vụ cung cấp nước theo quy định của pháp luật và thông báo bằng văn bản cho Bên B 30 ngày trước thời điểm chấm dứt.
- d) Bên B là pháp nhân bị giải thể hoặc phá sản hoặc là cá nhân bị chết, tuyên bố là đã chết mà không có người thừa kế toàn bộ các quyền và nghĩa vụ của Bên B theo Hợp Đồng.
- e) Chấm dứt theo thỏa thuận của Các Bên hoặc theo quy định của pháp luật.

12.2 Khi phát sinh một trong các trường hợp nêu tại Điều 12.1 này, Bên A sẽ ngừng cấp nước và ghi xác nhận chỉ số Đồng Hồ Đo Đếm Nước tại thời điểm ngừng cung cấp nước. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày Bên A ngừng cấp nước, Các Bên sẽ thực hiện và hoàn thành toàn bộ các trách nhiệm, nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng và quy định của pháp luật.

Điều 13. Thời hạn và hiệu lực của Hợp Đồng 13.1 Hợp Đồng này do Các Bên lập và ký kết hoàn toàn tự nguyện và có hiệu lực từ ngày ký kết Hợp Đồng này cho đến khi Ban Quản Trị Nhà Chung Cư được thành lập. Sau khi Ban Quản Trị được thành lập việc ký kết thực hiện Hợp đồng dịch vụ nước với Đơn vị kinh doanh nước sạch và Cư dân được chuyển giao lại cho Ban Quản Trị.

13.2 Hợp Đồng được lập thành ba (3) bản bằng tiếng Việt. Bên A giữ hai (2) bản, Bên B giữ một (1) bản.

13.3 Trường hợp Bên B là người nước ngoài hoặc doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài, Hợp đồng sẽ được phát hành thêm 02 bản Tiếng Anh, mỗi bên giữ 01 bản. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa ngôn ngữ Tiếng Anh và Tiếng Việt, bản Tiếng Việt được ưu tiên áp dụng

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký, ghi rõ họ và tên)

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC I - ĐƠN GIÁ NƯỚC³

I. Giá bán nước sạch áp dụng cho đối tượng là hộ gia đình sử dụng vào mục đích sinh hoạt⁴

TT	Mức sử dụng nước sinh hoạt của hộ dân cư (m ³ /tháng/hộ)	Giá bán nước từ 01/10/2013 (đồng/m ³)	Giá bán nước từ 01/10/2014 (đồng/m ³)	Giá bán nước từ 01/10/2015 (đồng /m ³)
1	Mức 10 m ³ đầu tiên	4.172	5.020	5.973
2	Từ trên 10 m ³ đến 20 m ³	4.930	5.930	7.052
3	Từ trên 20 m ³ đến 30 m ³	6.068	7.313	8.669
4	Trên 30 m ³	10.619	13.377	15.929

II. Giá bán nước sạch áp dụng cho các đối tượng không dùng dùng cho mục đích sinh hoạt⁵

TT	Đối tượng sử dụng	Giá bán nước từ 01/10/2013 (đồng/m ³)	Giá bán nước từ 01/10/2014 (đồng/m ³)	Giá bán nước từ 01/10/2015 (đồng/m ³)
1	Cơ quan hành chính sự nghiệp	6.450	8.381	9.955
2	Đơn vị sự nghiệp, dịch vụ công cộng	6.450	8.381	9.955
3	Sản xuất vật chất	7.668	9.796	11.615
4	Kinh doanh dịch vụ	14.137	18.342	22.068

PHỤ LỤC II

³ Phụ Lục đơn giá nước có thể được sửa đổi, thay thế, bổ sung theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền tùy từng thời điểm

⁴ Theo Quyết định số 38/2013/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2013 của UBND Thành phố Hà nội

⁵ Theo Quyết định số 39/2013/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2013 của UBND Thành phố Hà nội.

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ CẤP NƯỚC

(Kèm theo và là một phần không tách rời của hợp đồng dịch vụ cấp nước)

Phần 1

1. Thông tin về khách hàng sử dụng nước

Lần ĐK	Ngày đăng ký	Số hộ/đầu nối	Số người	Định mức	Mục đích sử dụng				Ký xác nhận	
					Sinh hoạt	Hành chính sự nghiệp. DV công cộng	Sản xuất vật chất	Kinh doanh dịch vụ	Bên A	Bên B

2. Thông tin về đầu nối

- Vị trí điểm đầu nối.....

- Đồng hồ đo nước D..... loại.....

Seri..... được đặt tại.....

- Sơ đồ mặt bằng

Ngày.....tháng.....năm.....

Người thực hiện

(Ký ghi rõ họ tên)